

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020 là: 72.276.620.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sàn HNX với mã PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Viết Hoàng	Chủ tịch
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Kiêm	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đoàn Đức Học

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Số: 350/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, được lập ngày 19 tháng 8 năm 2025, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.


Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+130+140+150)	100		62.481.119.207	71.672.180.751
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.642.683.381	13.124.519.373
1. Tiền	111		19.642.683.381	9.344.519.373
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.780.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.893.438.577	45.971.932.587
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.062.349.197	25.566.777.582
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	10.577.401.007	5.424.043.991
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	9.253.688.373	14.981.111.014
IV. Hàng tồn kho	140		6.271.762.909	12.029.528.473
1. Hàng tồn kho	141	5.5	6.271.762.909	12.029.528.473
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.673.234.340	546.200.318
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.630.396.516	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.837.824	353.216.133
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	192.984.185
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		122.133.877.535	125.028.938.320
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		265.000.000	565.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	265.000.000	565.000.000
II. Tài sản cố định	220		15.055.480.812	17.382.002.059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	13.866.268.028	16.169.527.401
- Nguyên giá	222		101.138.657.054	101.138.657.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.272.389.026)	(84.969.129.653)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.189.212.784	1.212.474.658
- Nguyên giá	228		2.080.950.110	2.080.950.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(891.737.326)	(868.475.452)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	100.037.210.441	100.037.210.441
1. Đầu tư vào Công ty con	251		89.000.000.000	89.000.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		11.037.210.441	11.037.210.441
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		355.000.000	355.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(355.000.000)	(355.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.776.186.282	7.044.725.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	6.776.186.282	7.044.725.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		184.614.996.742	196.701.119.071

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		40.464.180.240	53.327.690.290
I. Nợ ngắn hạn	310		37.665.534.240	50.606.044.290
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	15.304.388.081	20.634.676.536
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	3.183.123.957	769.632.779
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.714.633.619	67.257.096
4. Phải trả người lao động	314		1.804.169.257	3.148.859.981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.450.720.000	441.431.119
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	11.551.362.758	13.301.450.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	11.600.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		657.136.568	642.736.568
II. Nợ dài hạn	330		2.798.646.000	2.721.646.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.371.000.000	1.291.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.427.646.000	1.430.646.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.150.816.502	143.373.428.781
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	144.150.816.502	143.373.428.781
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.276.620.000	72.276.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.276.620.000	72.276.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.425.165.374	25.425.165.374
4. Cổ phiếu quỹ	415		(343.472.600)	(343.472.600)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.673.334.997	40.673.334.997
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.119.168.731	5.341.781.010
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.119.168.731	5.341.781.010
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		184.614.996.742	196.701.119.071
(440 = 300+400)				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch







Đỗ Thị Hồng Hạnh

Trần Văn Phúc

Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	330.480.332.104	407.926.484.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		330.480.332.104	407.926.484.177
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	315.483.189.087	395.544.682.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.997.143.017	12.381.801.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	24.671.567.436	27.504.554.071
7. Chi phí tài chính	22	6.4	154.696.009	522.753.904
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		153.150.685	522.181.038
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	7.747.094.923	6.206.501.656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.047.355.533	4.935.239.739
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		25.719.563.988	28.221.860.069
11. Thu nhập khác	31	6.6	68.024.885	270.001
12. Chi phí khác	32	6.6	183.625.550	3
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(115.600.665)	269.998
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		25.603.963.323	28.222.130.067
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	228.887.418	251.026.185
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		25.375.075.905	27.971.103.882

Người lập

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Trần Văn Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2025

Giám đốc



Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.603.963.323	28.222.130.067
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		2.326.521.247	3.728.025.210
- Các khoản dự phòng	03		(3.000.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(51.681)	(5.679.105)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.667.691.652)	(27.387.304.751)
- Chi phí lãi vay	06		153.150.685	522.181.038
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.412.891.922	5.079.352.459
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.881.856.504	64.609.497.192
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.757.765.564	(1.977.134.649)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.188.592.037)	(52.306.125.278)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.361.856.978)	(2.945.021.366)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(153.150.685)	(522.181.038)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(194.099.773)	(344.388.278)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.121.319.392)	(2.206.933.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.033.495.125	9.387.066.042
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.667.691.652	24.150.766.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24.667.691.652	24.150.766.676
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		14.000.000.000	23.958.320.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(25.600.000.000)	(48.458.320.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.583.074.450)	(11.654.642.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.183.074.450)	(36.154.642.077)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		6.518.112.327	(2.616.809.359)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	13.124.519.373	24.720.332.962
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.681	6.085.301
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	19.642.683.381	22.109.608.904

Người lập



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Văn Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2025



Đoàn Đắc Học

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020 là: 72.276.620.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/6/2025 là 59 người (Số lao động tại ngày 31/12/2024 là 59 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể;
 - Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu. Kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
 - Cải tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
 - Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
 - Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
 - Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
 - Mua bán xăng dầu. Đại lý bán lẻ xăng dầu;
 - Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
 - Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh xăng dầu và thi công lắp đặt nhận diện thương hiệu.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng Dầu Đồng Nai	Lô 108-109-110, KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể...	100%	100%	100%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Kho B, Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghiệp ngành gas, xăng, dầu, ...	49%	49%	49%

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh xăng dầu như sau:

Đơn vị	Địa chỉ
Hạch toán độc lập	
Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tân Bình – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh
Hạch toán phụ thuộc	
Cửa hàng xăng dầu 982 (*)	982 Trường Sơn, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh

(*) Quyết định số 45/PMS-QĐ-HĐQT ngày 25/4/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất ngừng hoạt động kinh doanh chi nhánh và làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát mà được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính đối với hàng hóa xe bồn theo phương pháp thực tế đích danh, đối với hàng hóa xăng dầu và các loại vật tư khác theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m² tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên nhận góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản nhận góp vốn theo hợp đồng BCC được ghi nhận như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu nhiều kỳ đến khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí tiền thuê đất tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng đến ngày 10/8/2046.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí khác: Trích trước chi phí ăn ca, tiền điện, chi phí vận chuyển theo thực tế phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là Khoản chi phí bảo hành thi công nhận diện thương hiệu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây dựng, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	94.854.239	231.649.161
Tiền gửi ngân hàng	19.547.829.142	9.112.870.212
Các khoản tương đương tiền	-	3.780.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	3.780.000.000
Tổng	19.642.683.381	13.124.519.373

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	14.062.349.197	25.566.777.582
Công ty TNHH MTV Tiến Ngọc Chương	2.354.850.242	1.457.784.590
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	2.446.200.000	2.871.100.000
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH Một thành viên	-	6.200.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Phước Nguyễn	954.100.285	6.377.593.286
Phải thu khách hàng khác	8.307.198.670	8.660.299.706
Tổng	14.062.349.197	25.566.777.582
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>4.363.445.943</i>	<i>10.028.542.100</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

5.3 Trả trước người bán

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	10.577.401.007	5.424.043.991
	1.415.457.403	
OPW MALAYSIA SDN BHD		
Gilbarco GmbH	2.774.425.058	-
Gilbarco Veeder-Root India Private Limited	1.598.168.995	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	4.569.322.771	5.323.328.011
Trả trước người bán khác	220.026.780	100.715.980
Tổng	10.577.401.007	5.424.043.991

5.4 Phải thu khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	9.253.688.373	-	14.981.111.014	-
Tạm ứng	129.059.950	-	249.986.250	-
Ký cược, ký quỹ	194.483.432	-	1.475.878.012	-
Phải thu về thuế TNCN	387.172.306	-	626.120.696	-
Phải thu khác	8.542.972.685	-	12.629.126.056	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	6.159.202.167	-	11.560.227.168	-
Phải thu giao khoán các cửa hàng xăng dầu	6.241.675	-	192.051.657	-
Các khoản phải thu khác	2.377.528.843	-	876.847.231	-
Dài hạn	265.000.000	-	565.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	265.000.000	-	565.000.000	-
Tổng	9.518.688.373	-	15.546.111.014	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>6.159.202.167</i>		<i>11.560.227.168</i>	
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.492.837.085	-	7.219.718.602	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	249.853.481	-	5.458.567	-
Hàng hóa	3.529.072.343	-	4.804.351.304	-
Tổng	6.271.762.909	-	12.029.528.473	-

5.6 Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.630.396.516	-
Chi phí sửa chữa cửa hàng	514.718.897	-
Chi phí thuê đất 446 Nơ Trang Long	1.614.854.448	-
Chi phí trả trước khác	500.823.171	-
Dài hạn	6.776.186.282	7.044.725.820
Chi phí thuê đất (*)	6.688.505.744	6.847.126.436
Chi phí trả trước khác	87.680.538	197.599.384
Tổng	9.406.582.798	7.044.725.820

(*) Giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất là trạm kinh doanh xăng dầu tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh được phân bổ theo thời hạn đến ngày 10/8/2046.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	15.740.494.056	75.003.660.513	10.223.342.031	171.160.454	101.138.657.054
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	15.740.494.056	75.003.660.513	10.223.342.031	171.160.454	101.138.657.054
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	11.463.967.393	65.309.118.145	8.049.787.059	146.257.056	84.969.129.653
Tăng trong kỳ	515.653.932	1.454.287.771	327.783.576	5.534.094	2.303.259.373
Khấu hao trong kỳ	515.653.932	1.454.287.771	327.783.576	5.534.094	2.303.259.373
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	11.979.621.325	66.763.405.916	8.377.570.635	151.791.150	87.272.389.026
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	4.276.526.663	9.694.542.368	2.173.554.972	24.903.398	16.169.527.401
Tại 30/06/2025	3.760.872.731	8.240.254.597	1.845.771.396	19.369.304	13.866.268.028

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 60.888.621.807 VND (tại ngày 01/01/2025 là 58.915.421.275 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm tín học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025	648.475.452	220.000.000	868.475.452
Tăng trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Khấu hao trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	671.737.326	220.000.000	891.737.326
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	1.212.474.658	-	1.212.474.658
Tại 30/06/2025	1.189.212.784	-	1.189.212.784

(*) Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m² tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 220.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 220.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/06/2025			01/01/2025		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			89.000.000.000		-	89.000.000.000		-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	100,00%	100,00%	89.000.000.000	(*)	-	89.000.000.000	(*)	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			11.037.210.441		-	11.037.210.441		-
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	49,00%	49,00%	11.037.210.441	(*)	-	11.037.210.441	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			355.000.000		(355.000.000)	355.000.000		(355.000.000)
Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (5000 Cổ phiếu)	16,16%	16,16%	355.000.000	(*)	(355.000.000)	355.000.000	(*)	(355.000.000)
Tổng			100.392.210.441	(*)	(355.000.000)	100.392.210.441	(*)	(355.000.000)

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	15.304.388.081	15.304.388.081	20.634.676.536	20.634.676.536
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Xây dựng Nam Phương	163.992.609	163.992.609	766.915.495	766.915.495
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Quảng Cáo Phương Nam	306.019.171	306.019.171	2.947.434.372	2.947.434.372
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	14.220.843.059	14.220.843.059	13.722.423.459	13.722.423.459
Phải trả người bán khác	613.533.242	613.533.242	3.197.903.210	3.197.903.210
Tổng	15.304.388.081	15.304.388.081	20.634.676.536	20.634.676.536
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>14.220.843.059</i>	<i>14.220.843.059</i>	<i>13.722.423.459</i>	<i>13.722.423.459</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

5.11 Người mua trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.183.123.957	769.632.779
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Minh Trung	49.281.000	49.281.000
Công ty xăng dầu Phú Khánh	2.594.310.000	-
Người mua trả tiền trước khác	539.532.957	720.351.779
Tổng	3.183.123.957	769.632.779
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>2.625.810.000</i>	<i>31.500.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	67.257.096	5.485.958.747	1.838.582.224	3.714.633.619
Thuế giá trị gia tăng	-	1.310.604.367	1.310.604.367	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	22.623.975	22.623.975	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	230.003.006	194.099.773	35.903.233
Thuế TNDN năm hiện hành	-	35.903.233	-	35.903.233
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	194.099.773	194.099.773	-
Thuế thu nhập cá nhân	67.257.096	682.968.503	228.634.109	521.591.490
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.229.708.896	72.570.000	3.157.138.896
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.050.000	10.050.000	-
Phải thu	192.984.185	192.984.185	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	192.984.185	192.984.185	-	-

(*) Trong đó, số Công ty phải nộp trên Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 là 228.887.418 VND và số truy thu người lao động là 194.099.773 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦUSố 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.450.720.000	441.431.119
Trích trước giá vốn các công trình xây dựng, thi công	-	332.991.824
Chi phí trích trước khác	1.450.720.000	108.439.295
Tổng	1.450.720.000	441.431.119

5.14 Phải trả khác

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	11.551.362.758	13.301.450.211
Kinh phí công đoàn	64.647.920	59.772.320
Phải trả tiền cổ tức	8.853.203.939	7.830.962.389
Phải trả các đội thi công	714.161.875	2.936.155.583
Phải trả Công ty CP Công trình Giao thông 610 lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	510.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.919.349.024	1.964.559.919
Dài hạn	1.371.000.000	1.291.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.371.000.000	1.291.000.000
Tổng	12.922.362.758	14.592.450.211

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Số có khả				Số có khả	
	Giá trị		Tăng		Giá trị	
	năng trả nợ		Giảm		năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	-	-	14.000.000.000	25.600.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000
Ngân hàng TMCP						
Công thương Việt Nam	-	-	14.000.000.000	25.600.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000
- CN 7 - TP.Hồ Chí						
Minh						
Tổng	-	-	14.000.000.000	25.600.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	40.673.334.997	7.639.640	138.039.287.411
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	33.702.677.962	33.702.677.962
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	-	-	(2.522.800.392)	(2.522.800.392)
Chi trả cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(24.125.936.200)	(24.125.936.200)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(325.800.000)	(325.800.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(238.500.000)	(238.500.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BDH và Cán bộ quản lý	-	-	-	-	(395.500.000)	(395.500.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh năm 2024	-	-	-	-	(760.000.000)	(760.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	40.673.334.997	5.341.781.010	143.373.428.781
Số dư tại 01/01/2025	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	40.673.334.997	5.341.781.010	143.373.428.781
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	25.375.075.905	25.375.075.905
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (*)	-	-	-	-	(1.468.672.184)	(1.468.672.184)
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(21.605.316.000)	(21.605.316.000)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024 (*)	-	-	-	-	(99.000.000)	(99.000.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2025 (**)	-	-	-	-	(481.500.000)	(481.500.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BDH và Cán bộ quản lý (*)	-	-	-	-	(943.200.000)	(943.200.000)
Số dư tại 30/06/2025	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	40.673.334.997	6.119.168.731	144.150.816.502

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2025 số 44/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2025 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó thông qua việc chi trả cổ tức số tiền 21.605.316.000 VND; trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 1.468.672.184 VND; trích thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành số tiền 720.000.000 VND; Chi thưởng HĐQT, BKS, BDH và Cán bộ quản lý số tiền 943.200.000 VND.

(**) Các khoản tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2025 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2025 số 44/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2025.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	33.248.770.000	33.248.770.000
Bà Trần Thị Hiền	8.155.600.000	8.155.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	30.613.350.000	30.613.350.000
Cổ phiếu quỹ	258.900.000	258.900.000
Tổng	72.276.620.000	72.276.620.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức đã chia	21.605.316.000	24.125.936.200

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.227.662	7.227.662
Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.890	25.890
Cổ phiếu phổ thông	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.201.772	7.201.772
Cổ phiếu phổ thông	7.201.772	7.201.772
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ

a. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.100.110.177	3.100.110.177

b. Ngoại tệ

	30/06/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.168,01	135.918.663	5.194,46	132.216.459
Tổng	5.168,01	135.918.663	5.194,46	132.216.459

c. Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu thuê hoạt động 02 lô đất sau:

- Lô đất tại 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 8.030,8 m² sử dụng làm văn phòng làm việc và xưởng sản xuất. Thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm cho đến khi nhà nước thực hiện quy hoạch và được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất; số tiền thuê phải trả năm 2025 là 3.223.660.896 VND.
- Lô đất tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích là 596 m² sử dụng làm địa điểm kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn thuê đất đến 10/8/2046; số tiền thuê phải trả năm 2025 là 72.570.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	320.884.855.960	384.276.696.536
Doanh thu thi công nhận dạng thương hiệu	1.810.391.964	17.699.787.641
Doanh thu cho thuê tài sản	7.785.084.180	5.950.000.000
Tổng	330.480.332.104	407.926.484.177

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan:

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

13.797.531.709 22.015.743.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	311.516.498.522	376.105.785.586
Giá vốn thi công nhận dạng thương hiệu	1.570.443.130	16.481.622.306
Giá vốn cho thuê tài sản	2.396.247.435	2.957.274.988
Tổng	315.483.189.087	395.544.682.880

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi	16.554.904	24.830.476
Lãi bán hàng trả chậm	34.345.386	110.997.349
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	24.616.791.362	27.362.474.275
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	51.681	6.251.971
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.824.103	-
Tổng	24.671.567.436	27.504.554.071

Trong đó:

Doanh thu tài chính với các bên liên quan:

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

24.616.791.362 27.362.474.275

(*) Bao gồm:

- Cổ tức năm 2024 nhận từ Công ty TNHH Cơ khí GAS P.M.G là 6.947.144.179 VND.

- Lợi nhuận được chia năm 2024 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai là 17.669.647.183 VND:
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai chia lợi nhuận theo Nghị quyết số 44/PMS-NQ-ĐHĐCĐ
ngày 13/4/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu số tiền 29.229.874.351 VND trong đó
năm 2024 đã tạm chia 80% lợi nhuận sau thuế 09 tháng đầu năm 2024 là 11.560.227.168 VND.

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lãi tiền vay	153.150.685	522.181.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.545.324	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	572.866
Tổng	154.696.009	522.753.904

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí bán hàng	7.747.094.923	6.206.501.656
Chi phí nhân viên	1.538.567.263	2.155.558.235
Chi phí vật liệu, bao bì	387.135.500	7.250.000
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	21.702.565	37.716.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	558.777.690	358.895.108
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) bảo hành	(3.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.873.224.842	2.761.835.211
Chi phí bằng tiền khác	370.687.063	885.246.466
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.047.355.533	4.935.239.739
Chi phí nhân viên quản lý	3.539.658.907	2.569.744.803
Chi phí vật liệu quản lý	-	114.849.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.309.008	163.823.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	396.361.362	443.523.314
Thuế phí và lệ phí	6.115.000	217.154.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.275.254.825	371.309.126
Chi phí bằng tiền khác	810.656.431	1.054.836.061
Tổng	13.794.450.456	11.141.741.395

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Thu nhập khác		
Hoàn trả lợi nhuận hợp tác kinh doanh	68.000.000	-
Thu nhập khác	24.885	270.001
Tổng	68.024.885	270.001
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	183.625.550	-
Chi phí khác	-	3
Tổng	183.625.550	3
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(115.600.665)	269.998

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	25.603.963.323	28.222.130.067
Các khoản điều chỉnh tăng	225.265.129	105.265.130
Chi phí không được trừ (Chi phí khấu hao vượt định mức)	105.265.129	105.265.130
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	120.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	24.684.791.362	27.362.474.275
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.616.791.362	27.362.474.275
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	68.000.000	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.144.437.090	964.920.922
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	228.887.418	192.984.185
Truy thu, nộp bổ sung thuế các năm trước	-	58.042.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	228.887.418	251.026.185

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.027.313.438	3.998.726.166
Chi phí nhân công	5.078.226.170	4.725.303.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.326.521.247	3.728.025.210
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	(3.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.084.691.755	16.025.088.104
Chi phí khác bằng tiền	1.491.783.325	3.442.258.992
Tổng	18.005.535.935	31.919.401.510

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch các bên liên quan

Danh sách bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Công ty liên kết
CTCP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND</u>
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý	Lương và thù lao	2.546.495.000	2.519.669.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
		VND	VND
Hội đồng Quản trị		882.100.000	691.900.000
Ông Đinh Viết Hoàng	Chủ tịch	272.900.000	58.600.000
Ông Ngô Minh Tú	Chủ tịch (Từ ngày 01/4/2023 đến 01/10/2023)	-	93.100.000
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên	195.800.000	150.800.000
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên	130.800.000	143.800.000
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên	130.800.000	122.800.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	151.800.000	122.800.000
Ban Kiểm soát		532.800.000	407.800.000
Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban	210.800.000	165.800.000
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên	161.000.000	121.000.000
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên	161.000.000	121.000.000
Ban Giám đốc		954.959.000	1.182.878.000
Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc	274.813.000	332.685.000
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc	212.407.000	285.961.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc	231.682.000	280.341.000
Ông Nguyễn Hồng Kiêm	Phó Giám đốc	236.057.000	283.891.000
Những người quản lý khác		176.636.000	237.091.000
Ông Trần Văn Phúc	Kế toán trưởng	176.636.000	237.091.000
Tổng		2.546.495.000	2.519.669.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng			4.363.445.913	10.028.542.100
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Bán hàng hóa	2.446.200.000	2.871.100.000
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	706.579.119	805.680.000
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận - Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	16.356.000	16.356.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	16.236.000	16.236.000
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	119.170.100	119.170.100
Công ty Xăng dầu Bình Định	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	783.200.000	-
Công ty TNHH một thành viên Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	209.284.694	-
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH Một Thành Viên	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	6.200.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	66.420.000	-
Phải thu khác			6.159.202.167	11.560.227.168
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Lợi nhuận được chia	6.159.202.167	11.560.227.168
Phải trả người bán ngắn hạn			14.220.843.059	13.722.423.459
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	14.220.843.059	13.722.423.459
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			2.625.810.000	31.500.000
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	2.594.310.000	-
CTCP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	31.500.000	31.500.000

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Bán hàng			13.797.531.709	22.015.743.381
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Cho thuê tài sản	5.950.000.000	5.950.000.000
		Bán hàng hóa	176.129.833	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	712.539.925	746.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	61.500.000	1.487.487.379
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	46.250.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
			VND	VND
Công ty Xăng dầu Sông Bé - Chi nhánh Bình Phước	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	858.626.996	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	31.370.013	391.516.427
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	193.782.124	-
Công ty Xăng dầu Bình Định	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	712.000.000	-
Công ty Xăng dầu Long An	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	1.277.319.590
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	3.176.538.928
Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	1.217.459.246
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	5.101.582.818	1.547.400.000
Công ty Xăng dầu KV II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Cho thuê tài sản	-	783.000.000
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	5.218.234.774
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	91.481.481
Tổng Công ty hóa dầu PETROLIMEX - CTCP	Cùng Tập đoàn	Cho thuê tài sản	-	83.055.556
Mua hàng			234.738.316.000	283.749.767.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Mua hàng hóa	712.480.000	1.542.000.000
Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	234.025.836.000	281.333.867.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	-	873.900.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia			24.616.791.362	27.362.474.275
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Lợi nhuận được chia	17.669.647.183	22.048.355.270
Công ty TNHH Cơ khí GAS P.M.G	Công ty liên kết	Cổ tức	6.947.144.179	5.314.119.005
Giao dịch khác			13.345.486.334	12.807.814.049
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Chia quỹ khen thưởng phúc lợi	1.470.672.184	1.764.500.392
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	11.874.814.150	11.043.313.657

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

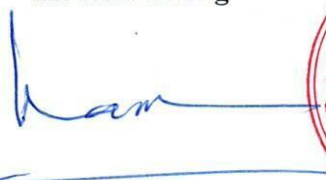
Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2025
Kế toán trưởng



Trần Văn Phúc



Đoàn Đắc Học

